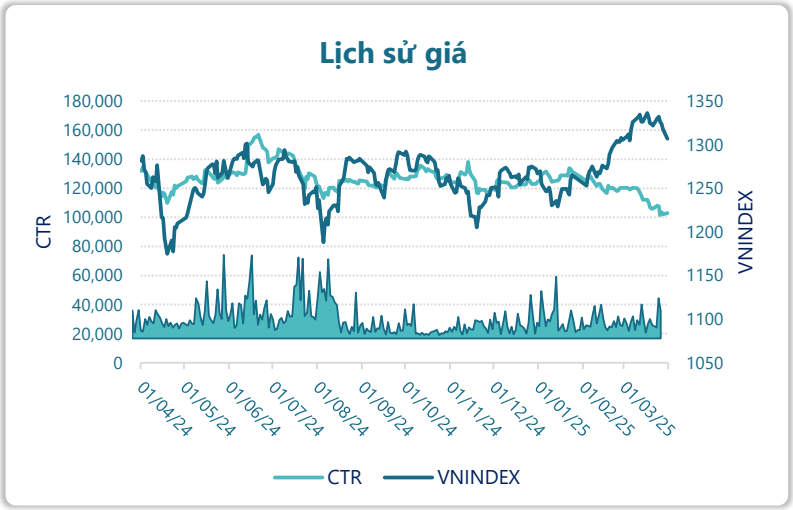
FireAnt

Tổng CTCP Công trình Viettel (HSX: CTR)



Thông tin giao dịch	31/03/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**103,000**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	156,881
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	101,500
SL cổ phiếu LH	114,385,879
KLGD BQ 20 phiên (CP)	567,820
% sở hữu nước ngoài	7.8%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	11,782
P/E	21.5
EPS	4,798

DT thuần

Q1/25

2,738

tỷ VNĐ

QoQ: ▼836| -23.4%

YoY: ▲ 115| 4.4%

LN sau thuế

Q1/25

122

tỷ VNĐ

QoQ: ▼34.0| -22.0%

YoY: ▲ 6.00| 4.9%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

5.8%

+/- YoY: ▼ 0.6%

DT thuần

2024

12,610

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 1,311| 11.6%

LN sau thuế

2024

538

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 22.0| 4.3%

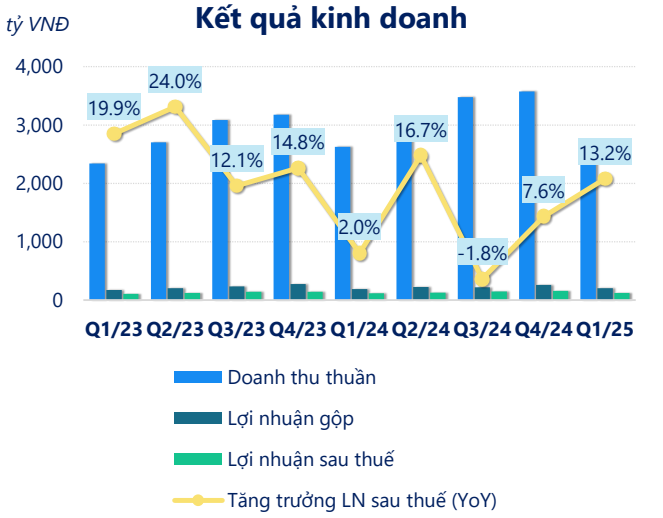
ROE

2024

27.9%

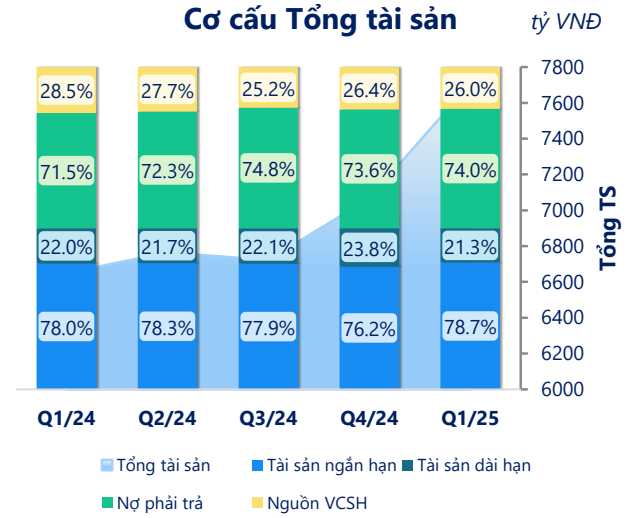
+/- YoY: ▼ 0.6%

Kết quả kinh doanh



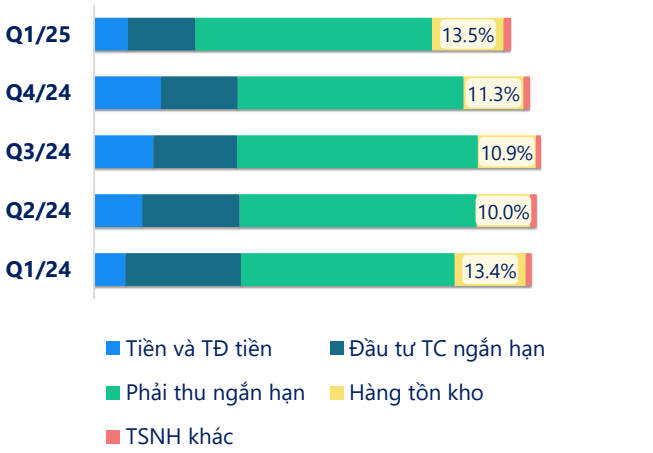
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



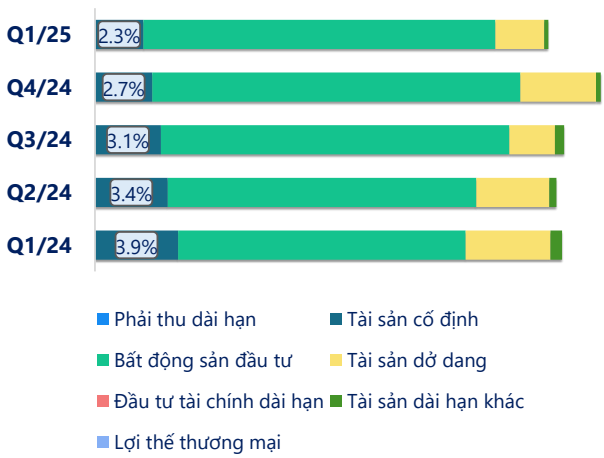
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



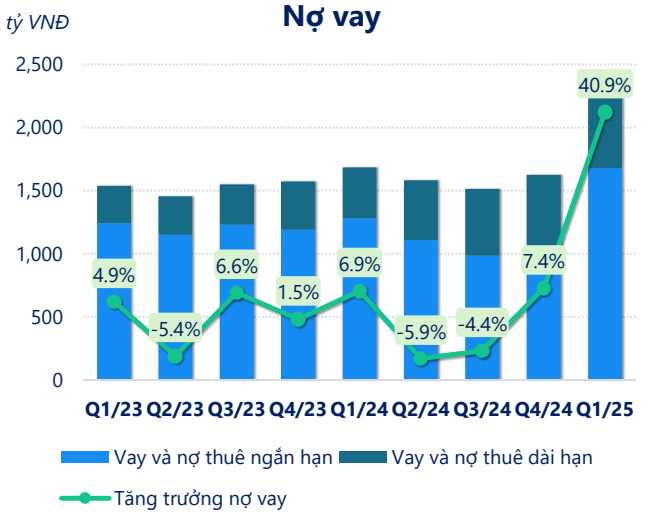
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



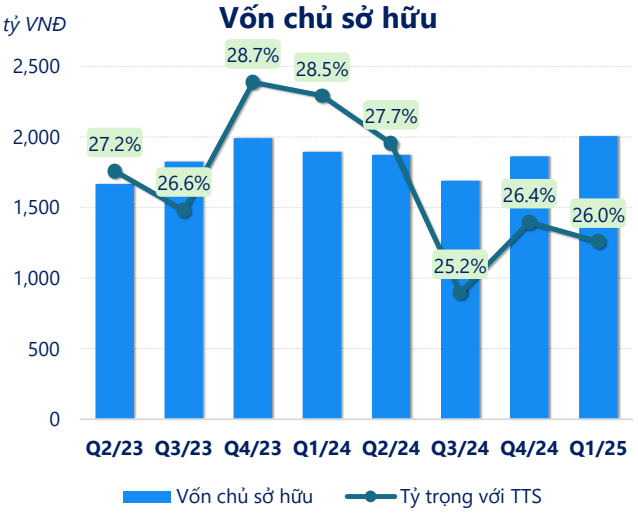
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



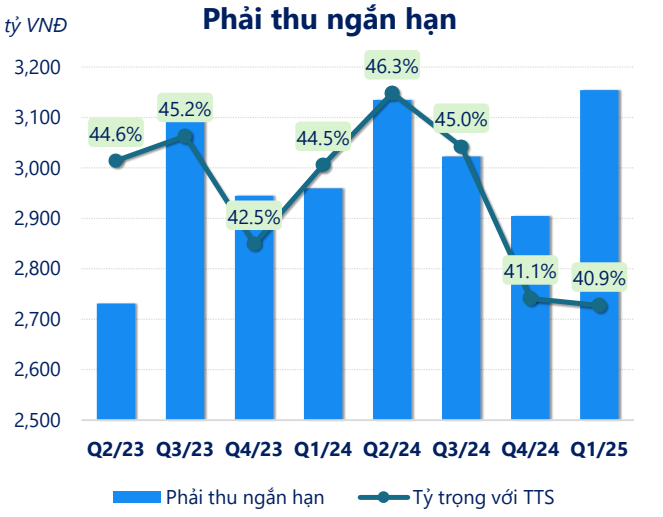
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



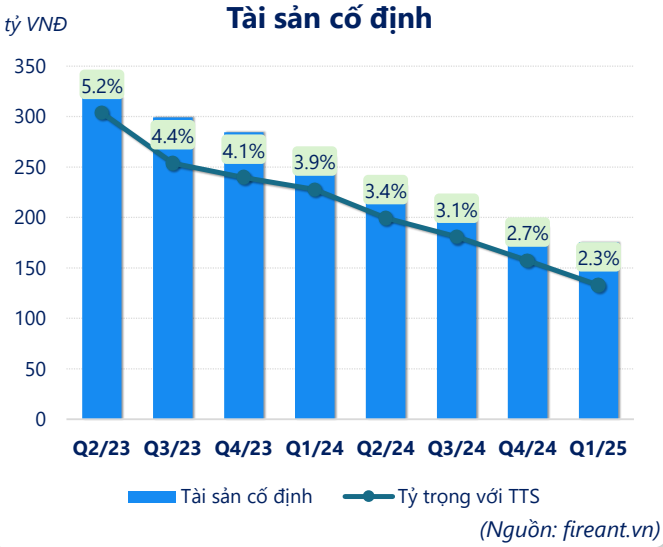
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



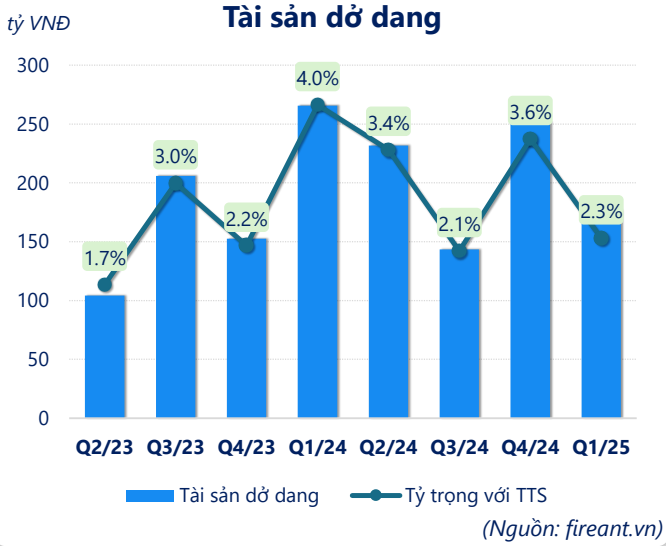
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



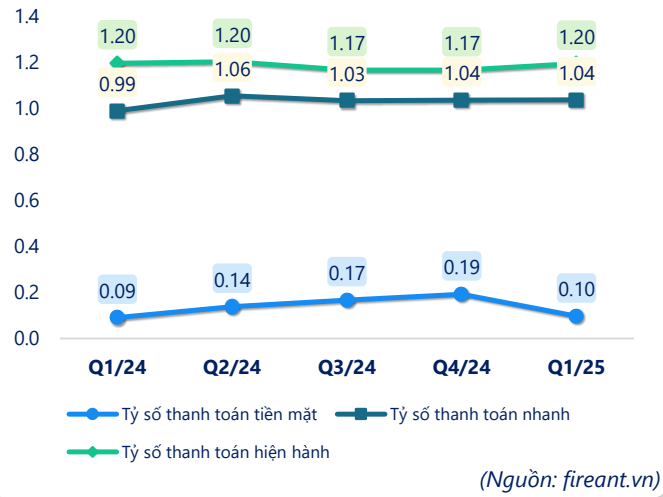
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



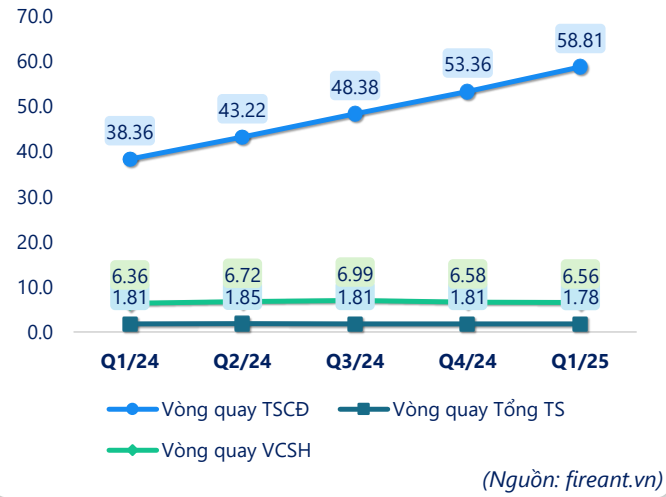
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Tổng tài sản	**6,649**	**6,765**	**6,721**	**7,067**	**7,708**
Tài sản ngắn hạn	**5,189**	**5,297**	**5,239**	**5,387**	**6,065**
Tiền và tương đương tiền	394	611	751	888	489
Đầu tư tài chính ngắn hạn	845	797	788	854	1,496
Phải thu ngắn hạn	2,959	3,135	3,023	2,905	3,154
Hàng tồn kho	896	652	603	602	802
Tài sản ngắn hạn khác	94.4	103	73.8	139	125
Tài sản dài hạn	**1,460**	**1,468**	**1,482**	**1,680**	**1,643**
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	260	231	209	191	176
Bất động sản đầu tư	899	982	1,101	1,223	1,276
Tài sản dở dang	265	232	143	252	177
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	36.1	22.7	28.8	15.1	14.4
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**4,754**	**4,891**	**5,031**	**5,205**	**5,702**
Nợ ngắn hạn	**4,335**	**4,402**	**4,488**	**4,617**	**5,075**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,279	1,109	985	1,052	1,679
Phải trả người bán ngắn hạn	584	590	614	610	445
Nợ dài hạn	418	489	543	588	627
Vay và nợ thuê dài hạn	403	474	528	573	611
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,895**	**1,873**	**1,691**	**1,862**	**2,006**
Vốn chủ sở hữu	**1,895**	**1,873**	**1,691**	**1,862**	**2,006**
Vốn điều lệ	1,144	1,144	1,144	1,144	1,144
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)